

**Ngành Ngân hàng**

Báo cáo cập nhật

Tháng 05, 2023

Khuyến nghị **OUTPERFORM**

Giá mục tiêu (VNĐ/CP) **32.750**

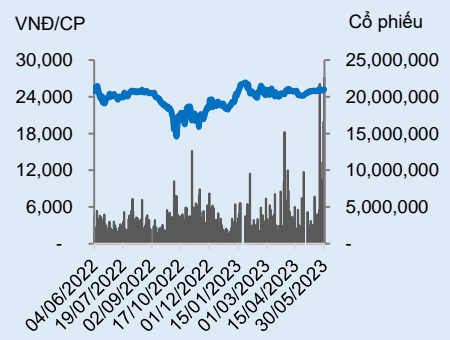
Giá thị trường (30/05/2023) **25.200**

Lợi nhuận kỳ vọng **30%**

**THÔNG TIN CỔ PHẦN**

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	17.500-26.360
Vốn hóa	85.111 tỷ đồng
SL cổ phiếu lưu hành	3.377.435.094
KLGD bình quân 10 ngày	10.470.622
% sở hữu nước ngoài	30%
Room nước ngoài	30%
Giá trị cổ tức/cổ phần	1.000
Tỷ lệ cổ tức/thị giá	4%
Beta	1,08

**BIẾN ĐỘNG GIÁ**



	YTD	1T	3T	6T
ACB	11,0%	4,1%	2,9%	12,0%
VNIndex	3,3%	2,8%	5,2%	4,0%

Chuyên viên phân tích

**Nguyễn Huỳnh Bảo Trâm**

(84 28) 3914.6888 ext 259

tramtnb@bvsc.com.vn

# Ngân hàng TMCP Á Châu

Mã giao dịch: ACB

Reuters: ACB.HM

Bloomberg: ACB VN Equity

## Tăng trưởng tín dụng Quý 1 giảm tốc

**Kết quả kinh doanh quý 1 của ACB tiếp tục tăng trưởng tích cực**, trong đó: Tổng thu nhập hoạt động (TOI) đạt 7.920 tỷ (+15,6% YoY) và LNST-CĐTS đạt 4.135 tỷ (+25,8% YoY). LNTT của ACB tăng trưởng mạnh 25,3% YoY lên 5.156 tỷ, đạt 25,7% kế hoạch của Ngân hàng và tương đương 27,08% dự báo của chúng tôi trong năm 2023. Ngoài ra, cũng trong quý này, ACB ghi nhận khoản thu nhập khác hơn 567 tỷ nhờ việc thu hồi nợ xấu đã được xử lý bằng quỹ dự phòng rủi ro (write-off).

**Tuy nhiên, tín dụng đã cho thấy sự giảm tốc trước ảnh hưởng từ tình hình vĩ mô trong và ngoài nước.** Cuối Q1.2023, tín dụng giảm nhẹ 0,6% so với thời điểm Q4.2022. CASA và LDR thuần tiếp tục xu hướng giảm. NIM tăng QoQ và YoY, tích cực so với xu hướng giảm của ngành. NPL tăng, tỷ lệ bao phủ nợ xấu giảm đáng kể.

**Năm 2023, BVSC kỳ vọng ACB vẫn tiếp tục giữ vững đà tăng trưởng** với Tổng thu nhập hoạt động (TOI) đạt 32.700 tỷ (+13,6% YoY) và LNST-CĐTS đạt 15.232 tỷ (+11,3% YoY), chủ yếu nhờ vào:

- Ngân hàng có chất lượng tài sản tốt, các khoản cho vay hầu hết đều là khoản vay có TSDB;
- Ngân hàng có khẩu vị rủi ro thấp, không đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp và tỷ trọng cho vay các công ty phát triển bất động sản ở mức thấp, nhờ đó tránh được rủi ro làn sóng đảo hạn trái phiếu doanh nghiệp trong năm 2023;
- Lợi suất sinh lời cao và bền vững.

**BVSC khuyến nghị OUTPERFORM cho ACB với mức giá mục tiêu là 32.750 đồng/cp, tương đương mức lợi suất 30%.**

**Rủi ro:** Tình hình vĩ mô trong nước và ngoài nước vẫn còn nhiều bất ổn, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh sản xuất và cầu tín dụng của cá nhân, doanh nghiệp. Ngoài ra, những động thái chấn chỉnh mảng banca của Chính phủ cũng có thể tác động tiêu cực đến tâm lý khách hàng và ảnh hưởng đến thu nhập từ mảng này.

## Sơ lược KQKD Q1.2023

### Tín dụng tăng trưởng âm so với Q4.2022

Cuối Q1.2023, tín dụng giảm nhẹ 0,6% so với thời điểm Q4.2022, đạt 411,3 nghìn tỷ, chủ yếu do sụt giảm nhu cầu vay từ khách hàng cá nhân và SME trước ảnh hưởng tiêu cực của tình hình vĩ mô trong và ngoài nước. Theo Ban lãnh đạo, mặc dù cầu tín dụng của nhóm khách hàng này khá thấp ở thời điểm đầu năm, nhưng kỳ vọng các quý tiếp theo sẽ có sự hồi phục trở lại.

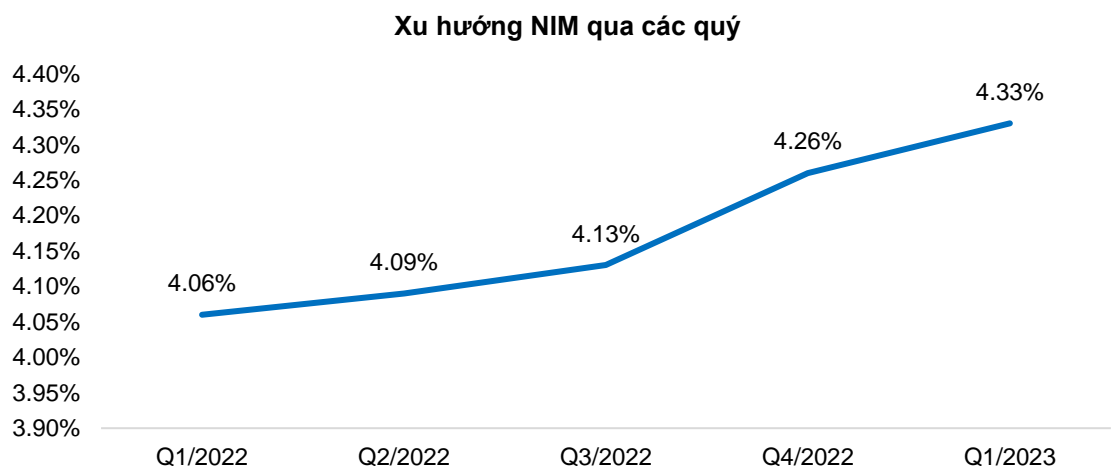
Theo kế hoạch ĐHCĐ thường niên, ACB đặt mục tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2023 là 9,7% theo hạn mức của NHNN cấp đầu năm (hạn mức tín dụng thực tế sẽ được điều chỉnh sau khi NHNN cấp bổ sung). Ban lãnh đạo chia sẻ, mảng tín dụng cá nhân sẽ chậm đi trong năm nay, kỳ vọng ở mức 12 – 13%, thay vì mức tăng bình quân 20% của các năm trước. Mặc dù cầu tín dụng có phần chậm lại, BVSC kỳ vọng tăng trưởng tín dụng cả năm của ACB vẫn đạt mức 12,5%, cao hơn so với kế hoạch.

### CASA và LDR thuần tiếp tục xu hướng giảm

Huy động Q1 của ACB tăng nhẹ lên mức 472,9 nghìn tỷ (+3,2% QoQ), trong đó: tiền gửi khách hàng tăng nhẹ lên mức 422,7 nghìn tỷ (+2,1% QoQ). ACB cũng tích cực gia tăng phát hành giấy tờ có giá (GTCG) trong Quý 1/2023 lên mức 50,1 nghìn tỷ (+13,2% QoQ; +62,1% YoY). Năm 2023, ACB đặt mục tiêu tăng trưởng tiền gửi (bao gồm GTCG) ở mức 8,1%, tương đương 496,4 nghìn tỷ.

CASA vẫn đang trong xu hướng giảm từ đầu năm 2022 khi lãi suất huy động vẫn còn ở mức cao. Q1.2023, CASA tiếp tục giảm từ mức 22,2% cuối năm 2022 xuống 20,1%. LDR thuần ở mức 87%, sụt giảm so với mức 90,3% ở thời điểm cuối năm 2022, chủ yếu do cầu tín dụng yếu và ACB đã tăng huy động mạnh trong Q4.2022.

### NIM tăng QoQ và YoY, tích cực so với xu hướng giảm của ngành



Nguồn: Dữ liệu ngân hàng, BVSC

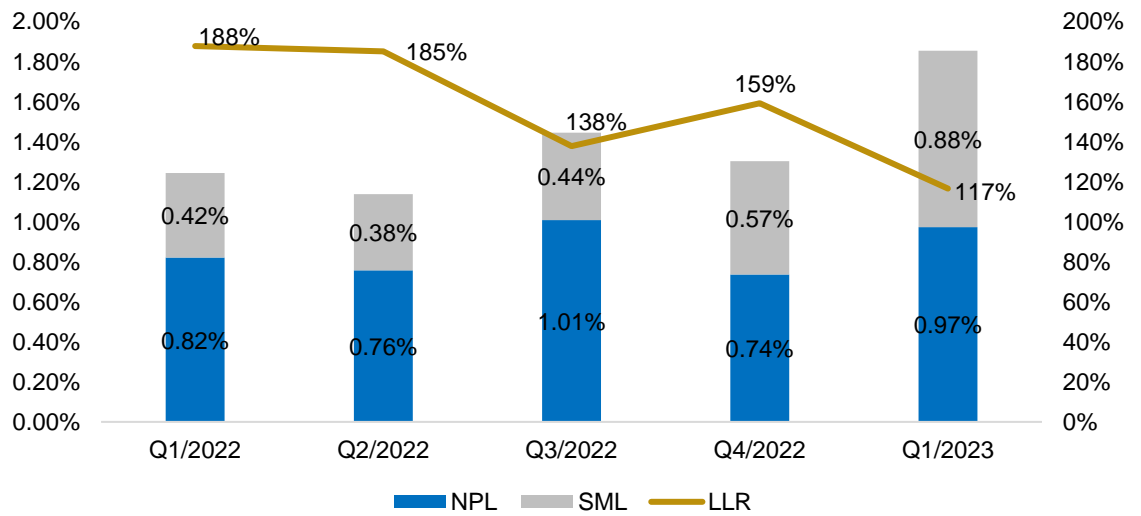
**CIR giảm đáng kể và kỳ vọng tiếp tục xu hướng này trong năm 2023 nhờ công ty giảm bớt khoản đầu tư từ chuyển đổi số**

CIR trong Q1.2023 giảm mạnh xuống 31,7% so với mức 40,0% của Q1.2022 và mức 51,3% Q4.2022. Năm 2022, ACB đã chi mạnh tay gần 1 nghìn tỷ đồng cho việc chuyển đổi số của ngân hàng. Tuy nhiên, chúng tôi kỳ vọng CIR trong năm nay sẽ duy trì ở mức thấp hơn năm 2022 nhờ tiết kiệm phần chi phí này. Theo Ban lãnh đạo, CIR sẽ tiếp tục giữ ở nền cao trong 2 năm tới, bình quân 37-38%/năm để đầu tư cho việc số hóa.

**NPL tăng; Tỷ lệ bao phủ nợ xấu giảm đáng kể**

Cuối Q1.2023, chất lượng tài sản của ACB có sự suy giảm so với thời điểm cuối năm 2022. Tỷ lệ nợ xấu (NPL) tăng lên mức 0,97% (+23 bps QoQ, +0,15 bps YoY), vẫn đạt mục tiêu duy trì NPL <2%. Chi phí dự phòng tăng mạnh so với cùng kỳ năm ngoái, ở mức 256 tỷ do trong năm 2022, ACB đã ghi nhận một khoản hoàn nhập lớn từ dư nợ tái cơ cấu Covid.

**Xu hướng nợ rủi ro qua các quý**



Nguồn: Dữ liệu ngân hàng, BVSC

## Triển vọng năm 2023

### Một số giả định trọng yếu

Chỉ tiêu	2022	2023F
Tăng trưởng tín dụng (%)	14,3	12,5
Tăng trưởng huy động (%)	11,6	10,4
NIM (%)	4,26	4,26
NPL (%)	0,74	1,05
CIR	40%	38%

### Dự phóng KQKD 2023

(Đvt: triệu đồng)	2022	2023F	% yoy	Diễn giải
Thu nhập lãi vay	40.698.834	45.398.504	11,55%	Tăng trưởng chậm đi do cầu tín dụng yếu kém đến từ khu vực cá nhân trước ảnh hưởng tiêu cực từ vĩ mô trong và ngoài nước.
Chi phí lãi vay	(17.165.305)	(18.705.969)	8,98%	
<b>Thu nhập lãi thuần</b>	<b>23.533.529</b>	<b>26.692.535</b>	<b>13,42%</b>	
Thu nhập từ phí dịch vụ	3.526.244	3.472.229	-1,53%	Thu nhập dịch vụ suy giảm chủ yếu đến từ hoạt động banca có phần chậm đi do những động thái chấn chỉnh của Chính phủ. Các hoạt động thanh toán cũng tăng trưởng chậm lại do ảnh hưởng từ vĩ mô.
Thu nhập ngoài lãi khác	1.730.294	2.535.854	46,56%	Thu nhập ngoài lãi tăng lên nhờ: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động kinh doanh ngoại hối, kinh doanh chứng khoán có nhiều điều kiện thuận lợi.</li> <li>- Thu nhập khác tăng nhờ việc thu hồi nợ xấu đã được xử lý bằng quỹ dự phòng rủi ro.</li> </ul>
<b>Tổng thu nhập hoạt động</b>	<b>28.790.067</b>	<b>32.700.618</b>	<b>13,58%</b>	
Chi phí hoạt động	(11.605.045)	(12.515.439)	7,84%	ACB đã trích mạnh chi phí đầu tư cho chuyển đổi số trong năm 2022, nhờ đó chi phí hoạt động tiết kiệm so với năm trước.
LN trước dự phòng	17.185.022	20.185.179	17,46%	
Chi phí dự phòng	(70.814)	(1.145.610)	N/A	Chi phí dự phòng tăng khi ACB đã hoàn nhập xong các khoản nợ tái cơ cấu Covid và trích lập thêm đối với các khoản nợ được tái cơ cấu theo Thông tư 02/2023/TT-NHNN.
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>17.114.208</b>	<b>19.039.569</b>	<b>11,25%</b>	
<b>Thuế</b>	<b>(3.426.015)</b>	<b>(3.807.914)</b>	<b>11,15%</b>	
<b>Lợi nhuận ròng</b>	<b>13.688.193</b>	<b>15.231.655</b>	<b>11,28%</b>	

Nguồn: Dữ liệu Ngân hàng; BVSC

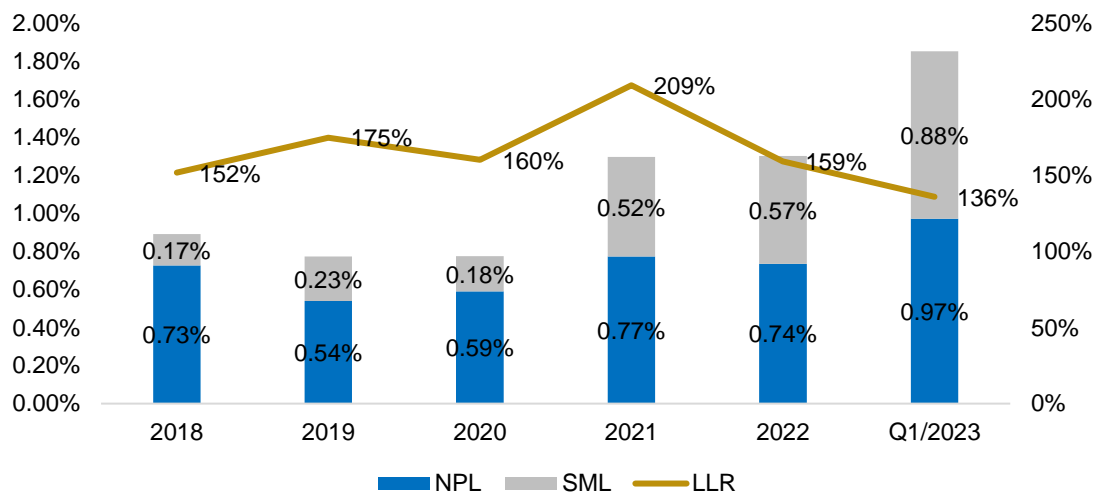
### Quan điểm đầu tư

Trong bối cảnh vĩ mô thế giới và Việt Nam có những biến động theo chiều hướng tiêu cực, ngành ngân hàng cũng đang chịu những tác động nhất định về mặt nợ xấu cũng như tăng trưởng tín dụng chậm lại đáng kể. Trong bối cảnh đó, ACB là lựa chọn yêu thích của chúng tôi do:

- Ngân hàng có chất lượng tài sản tốt, các khoản cho vay hầu hết đều là khoản vay có TSDB;
- Ngân hàng có khẩu vị rủi ro thấp, không đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp và tỷ trọng cho vay các công ty phát triển bất động sản được giữ ở mức thấp, nhờ đó tránh được rủi ro làn sóng đảo hạn trái phiếu doanh nghiệp trong năm 2023;
- Lợi suất sinh lời cao và bền vững.

### ACB là ngân hàng có chất lượng tài sản tốt với tỷ lệ NPL thấp và LLR luôn được giữ ở mức cao

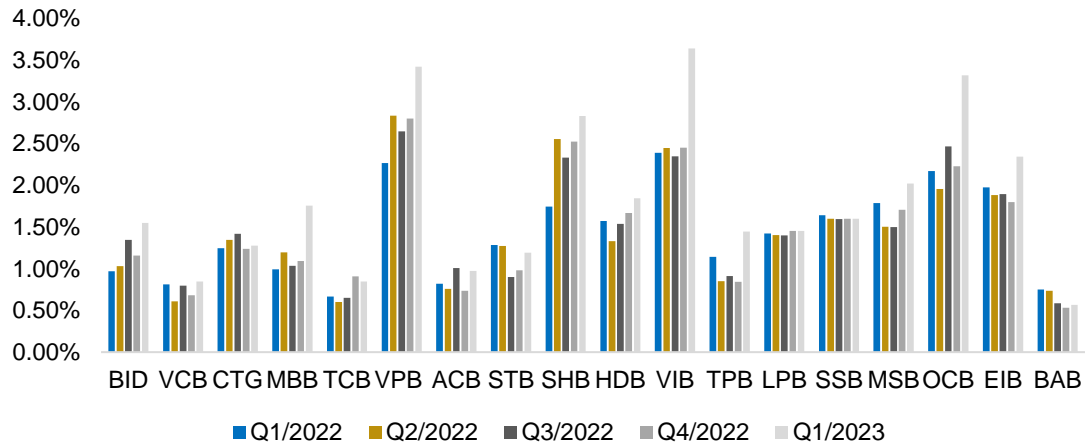
Xu hướng nợ rủi ro của ACB qua các năm



Nguồn: Dữ liệu Ngân hàng; BVSC

ACB có chất lượng tín dụng lành mạnh hàng đầu thị trường khi tỷ lệ nợ xấu luôn được giữ vững ở mức thấp dưới 1% trong nhiều năm liền. Ngân hàng cũng rất thận trọng trong việc trích lập dự phòng với tỷ lệ bao phủ nợ xấu luôn được duy trì ở mức cao trên 100%. Ngoài ra, với quy trình thẩm định đầu vào chặt chẽ, tệp khách hàng vay của ACB đa số có sức khỏe tài chính tốt, khả năng chịu đựng trước các khó khăn trên thị trường cao. 98% danh mục cho vay của ACB được đảm bảo và tỷ lệ LTV bình quân danh mục ở mức 54%.

**Tỷ lệ NPL của các ngân hàng qua các quý**



*Nguồn: Dữ liệu Ngân hàng; BVSC; Đơn vị: %. Ghi chú: dữ liệu VPB trích từ BCTC ngân hàng mẹ*

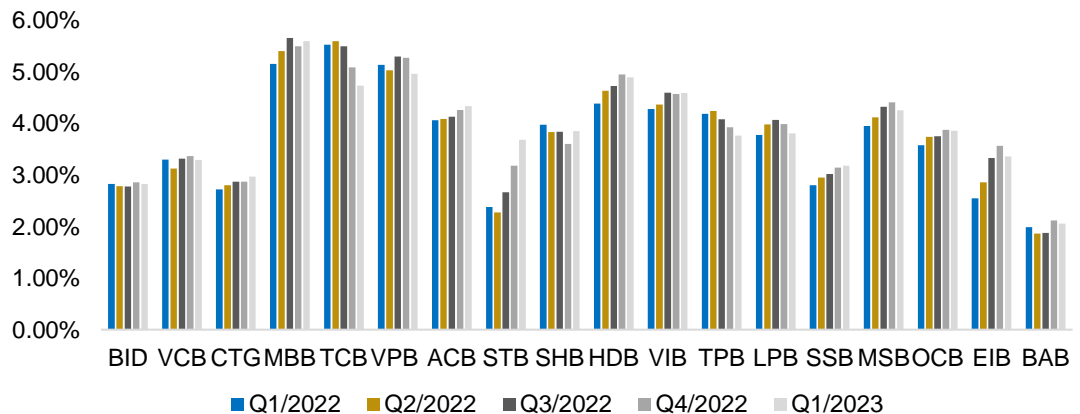
Tỷ lệ NPL của các ngân hàng trong danh sách theo dõi của BVSC đều có xu hướng tăng mạnh trong Q1.2023. Với việc nền kinh tế vẫn còn gặp nhiều khó khăn, chúng tôi cho rằng xu hướng này vẫn còn tiếp diễn trong năm 2023. Với những dư địa từ việc trích lập thận trọng từ trước, chúng tôi cho rằng ACB sẽ không gặp nhiều khó khăn về xử lý nợ xấu trong bối cảnh này.

**ACB theo đuổi chiến lược an toàn và có khẩu vị rủi ro thấp**

Theo chia sẻ từ Ban lãnh đạo, ACB sẽ tiếp tục theo đuổi chiến lược thận trọng và không đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp. Ngoài ra, ACB đa số cho vay thị trường BĐS thứ cấp, đã hoàn thành và có đầy đủ giấy tờ pháp lý, chỉ cho vay số ít đối với các công ty phát triển BĐS lớn trên thị trường và xét duyệt cấp tín dụng cho từng dự án BĐS. ACB không cho vay đối với các dự án BĐS phân khúc cao cấp. Tới cuối năm 2022, cho vay kinh doanh bất động sản cũng chỉ chiếm tỷ trọng 4% trong tổng dư nợ.

**Lợi suất sinh lời cao và bền vững**

**ACB duy trì NIM ở mức cao trong khi NIM toàn ngành đang có xu hướng giảm trong Q1.2023**



*Nguồn: Dữ liệu Ngân hàng; BVSC. Ghi chú: dữ liệu VPB trích từ BCTC ngân hàng mẹ*

Xu hướng lợi suất tài sản sinh lãi, chi phí vốn và NIM của ACB:

	2018	2019	2020	2021	2022	1Q23
Lợi suất IEA	8,22%	8,29%	7,99%	7,15%	7,38%	8,00%
Chi phí vốn	4,82%	4,98%	4,62%	3,42%	3,46%	4,11%
<b>NIM</b>	<b>3,55%</b>	<b>3,55%</b>	<b>3,66%</b>	<b>4,02%</b>	<b>4,26%</b>	<b>4,33%</b>

Nguồn: Dữ liệu Ngân hàng; BVSC

Từ đầu năm đến nay, lãi suất huy động đã có xu hướng giảm mạnh trước tình trạng cầu tín dụng yếu và các ngân hàng không còn động lực huy động tiền gửi mạnh như giai đoạn trước. Trong khi đó, lãi suất cho vay lại giảm chậm hơn so với lãi suất huy động và thời gian định giá lại của các khoản huy động thường ngắn hơn các khoản cho vay (repricing gap). Vì vậy, chúng tôi cho rằng ACB có thể duy trì NIM quanh mức 4,26%, tương đương với năm 2022.

## Định giá

Chúng tôi sử dụng kết hợp giữa 2 phương pháp thu nhập thặng dư (RI model) và phương pháp so sánh P/B để định giá ACB, tỷ trọng bằng nhau. BVSC khuyến nghị **OUTPERFORM** cho ACB với mức giá mục tiêu là **32.750 đồng/cp**, tương đương mức lợi suất **30%**.

Phương pháp	Target	BVPS	Giá	Tỷ trọng
RI model			36.103	50%
P/B	1,35x	21.768	29.387	50%
Giá mục tiêu	32.750			
Upside	30%			
P/B at TP	1,5x			

## Tóm tắt định giá phương pháp thu nhập thặng dư (RI model)

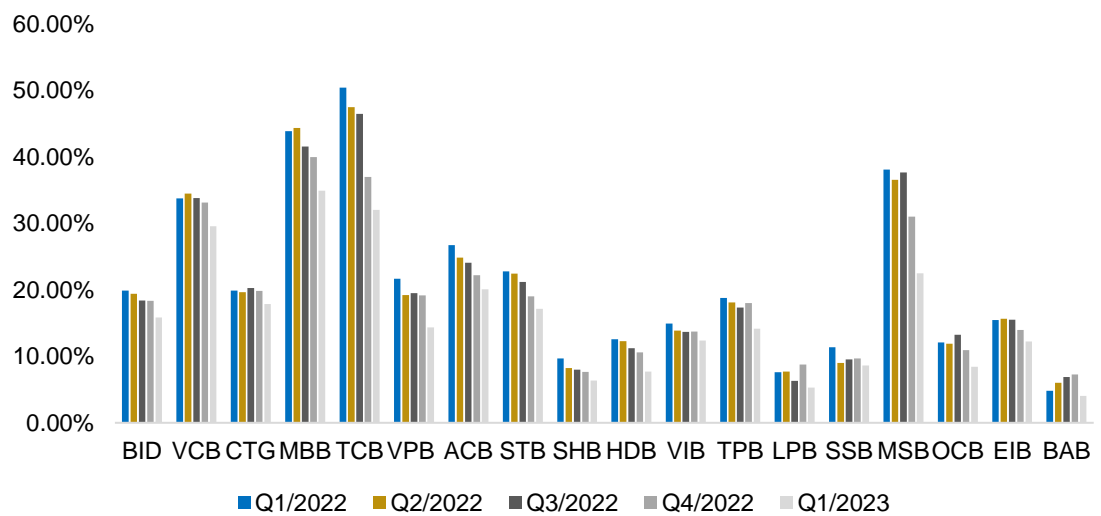
Chỉ tiêu	Ngắn hạn	Dài hạn
Risk-free Rate	3,50%	4,50%
Equity Risk Premium	8,50%	8,50%
Beta	1,1	1,1
Cost of Equity	13,0%	14,0%
Terminal Growth	3,0%	

Năm (Đvt: triệu đồng)	2023F	2024F	2025F	Terminal
LNST-CĐTS	15.231.655	17.335.983	19.212.971	19.789.360
- Chi phí vốn CSH	7.593.812	9.553.598	11.780.333	13.067.503
Thu nhập thặng dư (RI)	7.637.843	7.782.385	7.432.638	6.721.857
<b>Hiện giá RI</b>	<b>7.107.647</b>	<b>6.409.299</b>	<b>49.978.248</b>	<b>7.107.647</b>
Vốn CSH đầu kỳ	58.438.663	73.520.318	90.656.301	93.375.990
Chi phí vốn CSH (%)	13,0%	13,0%	13,0%	14,0%
<b>Chi phí vốn</b>	<b>7.593.812</b>	<b>9.553.598</b>	<b>11.780.333</b>	<b>13.067.503</b>
<b>Giá trị vốn CSH</b>	<b>121.933.858</b>			
SL cổ phiếu lưu hành	3.377.435.100			
<b>Giá trị hợp lý mỗi cổ phiếu (đồng/cp)</b>	<b>36.103</b>			

## Rủi ro

Chúng tôi cũng lưu ý rủi ro về hoạt động tín dụng có phần chậm lại do nền kinh tế vẫn đang chịu những ảnh hưởng tiêu cực từ vĩ mô trong nước và thế giới. Mảng khách hàng cá nhân và SME liên quan đến hoạt động thương mại, xuất khẩu – tệp khách hàng chính của ACB là hai đối tượng chịu tác động nặng nề từ việc này. Ngoài ra, những động thái chấn chỉnh mảng banca của Chính phủ cũng có thể tác động tiêu cực đến tâm lý khách hàng và ảnh hưởng đến thu nhập từ mảng này.

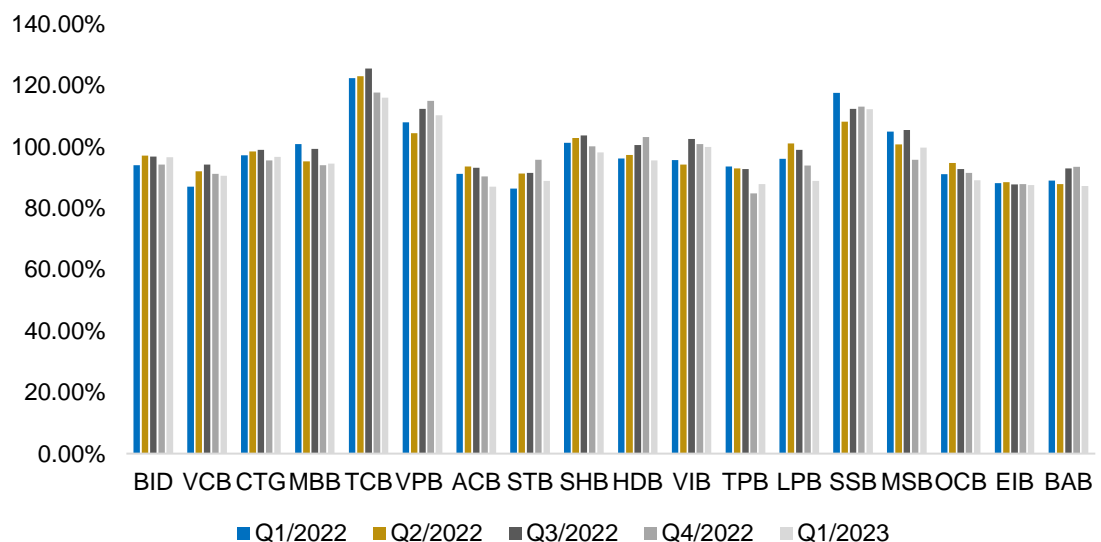
### Xu hướng CASA qua các quý của các ngân hàng



Nguồn: Dữ liệu Ngân hàng; BVSC. Ghi chú: dữ liệu VPB trích từ BCTC ngân hàng mẹ

Nhu cầu tiêu dùng và đầu tư của cá nhân, doanh nghiệp giảm mạnh khiến CASA vẫn tiếp tục trong xu hướng giảm. Ngoài ra, với mặt bằng lãi suất huy động cao trong năm 2022 và đầu năm 2023, cơ cấu tiền gửi có xu hướng dịch chuyển từ không kỳ hạn sang có kỳ hạn.

### Xu hướng LDR thuần qua các quý của các ngân hàng

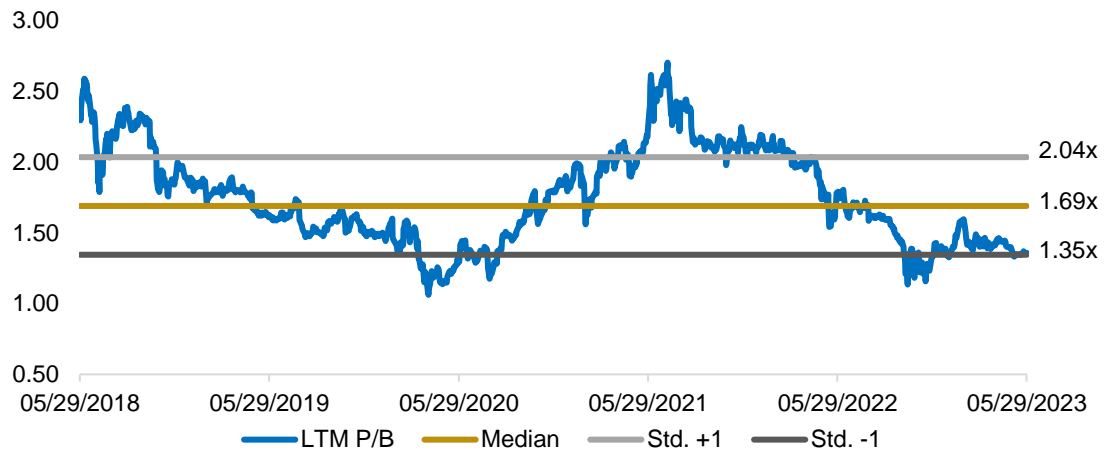


Nguồn: Dữ liệu Ngân hàng; BVSC. Ghi chú: dữ liệu VPB trích từ BCTC ngân hàng mẹ



LDR có xu hướng giảm mạnh ở các ngân hàng khi cầu tín dụng vẫn còn khó khăn và huy động giai đoạn trước đó tăng tốt.

**P/B lịch sử của ACB giai đoạn 2018-23**



Nguồn: FinPro; BVSC

**CHỈ SỐ TÀI CHÍNH**

<b>Kết quả kinh doanh</b>				
<b>Đơn vị (tỷ VNĐ)</b>	<b>2021</b>	<b>2022</b>	<b>2023F</b>	<b>2024F</b>
Tổng doanh thu hoạt động	23.564	28.790	32.701	36.735
Chi phí hoạt động	-8.230	-11.605	-12.515	-13.597
Lợi nhuận trước dự phòng	15.334	17.185	20.185	23.138
Chi phí dự phòng	-3.336	-71	-1.146	-1.468
LNST sau CĐTS	9.603	13.688	15.232	17.336

<b>Bảng cân đối kế toán</b>				
<b>Đơn vị (tỷ VNĐ)</b>	<b>2021</b>	<b>2022</b>	<b>2023F</b>	<b>2024F</b>
Tiền và tương đương tiền	7.510	8.461	10.274	11.606
Tiền gửi tại NHNN	32.350	13.658	17.755	13.316
Tiền gửi tại các TCTD khác	49.819	85.971	90.507	108.203
Cho vay khách hàng, ròng	356.051	408.857	459.983	528.863
Chứng khoán đầu tư	59.475	75.535	87.230	91.640
<b>Tổng tài sản</b>	<b>527.770</b>	<b>607.875</b>	<b>684.953</b>	<b>773.752</b>
Vay NHNN	-	506	-	-
Tiền gửi các TCTD	54.394	67.841	80.960	78.039
Tiền gửi khách hàng	379.921	413.953	448.295	509.515
Vốn chủ sở hữu	44.901	58.439	73.520	90.656
<b>Tổng nợ vay và VCSH</b>	<b>527.770</b>	<b>607.875</b>	<b>684.953</b>	<b>773.752</b>

<b>Chỉ số tài chính</b>				
<b>Chỉ tiêu</b>	<b>2021</b>	<b>2022</b>	<b>2023F</b>	<b>2024F</b>
<b>Tăng trưởng</b>				
Cho vay khách hàng	15,4%	14,8%	12,5%	15,0%
Tiền gửi khách hàng	7,6%	9,0%	8,3%	13,7%
Tổng tài sản (TTS)	18,7%	15,2%	12,7%	13,0%
VCSH	26,7%	30,2%	25,8%	23,3%
<b>Lợi nhuận</b>				
NIM	4,02%	4,26%	4,26%	4,32%
ROAA	1,98%	2,41%	2,36%	2,38%
ROAE	23,90%	26,49%	23,09%	21,12%
<b>Chất lượng tài sản</b>				
NPL	0,77%	0,74%	1,05%	1,07%
Loan loss reserve (LLR)	209%	159%	111%	111%
<b>Thanh khoản</b>				
Cho vay khách hàng/TTS	67%	67%	67%	68%
Cho vay KH/Tiền gửi KH	94%	99%	103%	104%
<b>Trên mỗi cổ phiếu</b>				
EPS (VNĐ/CP)	3.498	4.008	4.465	5.074
BVPS (VNĐ/CP)	16.618	17.303	21.768	26.842

## TUYÊN BỐ TRÁCH NHIỆM

Tôi, chuyên viên **Nguyễn Huỳnh Bảo Trâm**, xin khẳng định hoàn toàn trung thực và không có động cơ cá nhân khi thực hiện báo cáo này. Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo này được thu thập từ những nguồn tin cậy và đã được **tôi** xem xét cẩn thận. Tuy nhiên, **tôi** không đảm bảo tính đầy đủ cũng như chính xác tuyệt đối của những thông tin nêu trên. Các quan điểm, nhận định trong báo cáo này chỉ là quan điểm riêng của cá nhân **tôi** mà không hàm ý chào bán, lôi kéo nhà đầu tư mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Báo cáo chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin và nhà đầu tư chỉ nên sử dụng báo cáo phân tích này như một nguồn tham khảo. **Cá nhân tôi** cũng như **Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt** sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào trước nhà đầu tư cũng như đối tượng được nhắc đến trong báo cáo này về những tổn thất có thể xảy ra khi đầu tư hoặc những thông tin sai lệch về doanh nghiệp.

Báo cáo này là một phần tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt, tất cả những hành vi sao chép, trích dẫn một phần hay toàn bộ báo cáo này phải được sự đồng ý của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt.

## LIÊN HỆ

### Khối Phân tích và Tư vấn đầu tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

#### Phạm Tiến Dũng

Giám đốc khối  
dungpt@bvsc.com.vn

#### Lưu Văn Lương

Phó Giám đốc khối  
luonglv@bvsc.com.vn

#### Nguyễn Chí Hồng Ngọc

Phó Giám đốc khối  
ngocnch@bvsc.com.vn

#### Đỗ Long Khánh

Hàng không, Tài chính  
khanhdi@bvsc.com.vn

#### Lê Thanh Hòa

Ngân hàng, Tiện ích công cộng  
hoalt@bvsc.com.vn

#### Trần Xuân Bách

Phân tích kỹ thuật  
bachtx@bvsc.com.vn

#### Trần Phương Thảo

VLXD, BĐS  
thaotp@bvsc.com.vn

#### Trương Sỹ Phú

Hàng tiêu dùng, CNTT  
phuts@bvsc.com.vn

#### Hoàng Thị Minh Huyền

Chuyên viên vĩ mô  
huyenhtm@bvsc.com.vn

#### Nguyễn Hà Minh Anh

Nông nghiệp, Tiện ích công cộng  
anhnhm@bvsc.com.vn

#### Trần Đăng Mạnh

Bán lẻ, Vật liệu cơ bản  
manhtd@bvsc.com.vn

#### Lê Hoàng Phương

Dầu Khí, Chứng Khoán  
phuonglh@bvsc.com.vn

#### Nguyễn Đức Hoàng

Thép, Phân bón  
hoangnd@bvsc.com.vn

#### Nguyễn Huỳnh Bảo Trâm

Cảng, Vận tải biển, Ngân Hàng  
tramnhb@bvsc.com.vn

#### Tôn Nữ Nhật Minh

Dược phẩm, Hóa chất cơ bản  
minhtnn@bvsc.com.vn

#### Trần Tuấn Dương

Tiện ích công cộng, Cao su tự nhiên, VLXD  
duongtt@bvsc.com.vn



## **Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt**

### **Trụ sở chính:**

- 08 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Tel: (84 24) 3 928 8080

### **Chi nhánh:**

- Tầng 8, 233 Đồng Khởi, Quận 1, Tp. HCM
- Tel: (84 28) 3 914 6888